TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/DS – ST
Ngày: 01 - 8 -2023
"V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa và ông Trần Quang Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa:

-*Nguyên đơn*: anh Đào Huy H; **s**inh năm: 1987 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
-*Bị đơn:* anh Nguyễn Đức H1; sinh năm: 1987(vắng)
Nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước
Nơi ở hiện tại: số A, Đ, M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.
-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Trần Thị H2; sinh năm: 1986.
Nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn anh Đào Huy H trình bày:

Ngày 01/8/2018, anh có cho anh Nguyễn Đức H1 vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỉ đồng), hẹn sau 15 ngày trả, khi vay không thỏa thuận lãi suất, vì cho vay

thời gian ngắn, hai bên có viết giấy vay tiền, anh H1 có ký tên. Đến hạn trả tiền anh đòi nhiều lần nhưng anh H1 không trả, đến ngày 20/5/2019 anh H1 trả được cho tôi số tiền 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng). Sau đó anh đòi nhiều lần thì vợ anh H1 có viết giấy cam kết trả nợ với nội dung: Năm 2021 trả 400.000.000đ; năm 2022 trả 400.000.000đ. Đến nay anh H1, chị H2 chưa trả số tiền nào. Anh khởi kiện yêu cầu anh H1 chị H2 pH1 trả số tiền nợ gốc là 800.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 13/6/2023, anh H trình bày: Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2022, anh khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Đức H1, sinh năm: 1986 và bà Trần Thị H2, sinh năm 1986 cùng có nơi cư trú tại thôn 3, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.Nay anh thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Hiện nay, Anh chỉ khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức H1 pH1 trả anh số tiền nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật. Anh không khởi kiện chị Trần Thị H2 nữa, vì anh chỉ cho anh H1 vay tiền, anh H1 trực tiếp nhận số tiền vay, chị H2 không cùng vay tiền với ông H1.

- *Tại biên bản lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Nguyễn Đức H1 trình bày:* Vào năm 2018, anh có vay anh Đào Huy H số tiền 1.000.000.000đ (một tỉ đồng), do làm ăn thua lỗi, anh mới trả cho anh H số tiền 200.000.000đ, còn nợ lại 800.000.000đ. Anh vay tiền anh H thì vợ anh chị H2 không biết, anh và chị H2 đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Anh có khất hẹn trả nợ anh H nhưng hiện tại anh đang gặp nhiều khó khăn không có khả năng trả tiền cho anh H, anh xin trả dần số tiền trên cho anh H. Anh H1 có văn bản xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, xét xử của Tòa án huyện Bù Đăng.

- *Tại biên bản lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H2 trình bày:* Chị không biết gì về việc vay mượn tiền giữa anh H với anh H1, sau này anh H đến nhà đòi nợ nhiều lần chị mới biết anh H1 vay tiền anh H, do anh H đến nhà đòi nợ nhiều lần nên buộc chị pH1 viết giấy cam kết nhắc nhở anh H1 trả tiền anh H. Hiện nay anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị (chị và anh H1) pH1 trả anh H số tiền nợ gốc 800.000.000đ và tiền lãi thì chị không đồng ý, lý do: Việc vay tiền giữa anh H1 với anh H không liên quan đến chị, chị không biết gì về số tiền vay này, là nợ riêng của anh H1. Chị xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, anh khởi kiện anh H1 và chị H2, yêu cầu anh H1 và chị H2 pH1 trả anh số tiền nợ gốc là 800.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2019 là ngày anh H1 trả anh số tiền 200.000.000đ cho đến nay theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

- *Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa:* Về tố tụng: Không có ý kiến gì. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh H1 pH1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh H số tiền nợ gốc 800.000.000đ và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ

ngày 20/5/2019 đến nay. Về án phí: Bị đơn pH1 nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Đào Huy H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức H1 và chị Nguyễn Thị H2 có nơi cư trú tại thôn 3, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước H1 trả số tiền số tiền nợ gốc 800.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/5/2019 cho đến nay. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh H yêu cầu anh H1 và chị H2 pH1 trả số tiền số tiền nợ gốc 800.000.000đ:

Tại bản tự khai anh H1 xác nhận anh có vay anh H số tiền 1.000.000.000đ vào ngày 01/8/2028, anh H1 là người trực tiếp vay và nhận số tiền vay từ anh H, ngày 20/5/2019 anh H1 đã trả anh H được số tiền 200.000.000đ, còn nợ lại 800.000.000đ. Nguyên đơn anh H xác nhận sự việc này là đúng. Xét thấy, đây là các tình tiết, nội dung đương sự thừa nhận nên không pH1 chứng minh.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu anh H1 và chị H2 pH1 trả số tiền gốc 800.000.000đ, nguyên đơn anh H căn cứ vào giấy cam kết trả nợ do chị H2 ký tên để buộc chị H2 cùng trả nợ với anh H1. Xét thấy, tại nội dung giấy cam kết trả nợ (không ghi ngày tháng năm) có nội dung: "Nay tôi thay mặt chồng tôi (Nguyễn Đức H1) cam kết: Qua năm 2021 và năm *2022 sẽ trả số tiền còn nợ lại...Tôi cam kết sẽ đốc thúc anh H1 trả nợ cho anh H đúng như bản cam kết trên*. Như vậy, nội dung giấy cam kết thể hiện chị H2 cam kết đốc thúc anh H1 trả nợ cho anh H, chị H2 không đồng ý trả nợ cùng anh H1. Ngoài ra, anh H1 và chị H2 đều xác nhận, khi vay tiền anh H1 là người trực tiếp vay và nhận số tiền vay từ anh H, chị H2 không biết gì về khoản vay này, sự việc này nguyên đơn anh H cũng xác nhận là đúng anh H1 là người trực tiếp vay nhận tiền từ anh H, chị H2 không cùng vay tiền với anh H1. Mặt khác anh H1 và chị H2 đã sống ly thân từ đầu năm 2018, sau này anh H đến nhà chị H2 anh H1 đòi nợ nhiều lần thì chị H2 mới biết anh H1 vay tiền anh H. Do đó, cần xác định đây là nợ riêng của anh H1. Vì vậy, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về việc yêu cầu chị H2 trả số tiền vay 800.000.000đ cùng anh H1 cho anh H; đến hạn trả tiền cho anh H, anh H1 không trả đầy đủ và đúng hạn số tiền vay là anh H1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là buộc anh H1 pH1 có nghĩa vụ trả số tiền vay 800.000.000đ cho anh H.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn anh H yêu cầu anh H1 và chị H2 pH1 trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 800.000.000đ tính theo quy định pháp luật kể từ ngày 20/5/2019:

Tại phiên tòa nguyên đơn anh H thừa nhận anh cho anh H1 vay tiền không thỏa thuận lãi suất, căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/8/2018 giữa anh H với anh H1 cũng không thỏa thuận lãi suất. Do đó, xác định trong trường hợp này các bên vay không có lãi, lãi suất trong trường hợp này được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Như phân tích nêu trên xác định anh H1 là người có nghĩa vụ trả nợ cho anh H nên anh H1 cũng pH1 có nghĩa vụ trả tiền lãi cho anh H theo quy định pháp luật. Tiền lãi được tính từ ngày 20/5/2019 đến nay như sau: 800.000.000đ x 04 năm 02 tháng 12 ngày x 10%/năm = 336.000.000đ.

Như vậy, cần buộc bị đơn anh H1 pH1 trả nguyên đơn anh H số tiền gốc và tiền lãi là 800.000.000đ + 336.000.000đ = 1.136.000.000đ.

[3] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đào Huy H. Buộc bị đơn anh Nguyễn Đức H1 pH1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Đào Huy H số tiền gốc và tiền lãi là 800.000.000đ + 336.000.000đ = 1.136.000.000đ (một tỉ, một trăm, ba mươi sáu triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đào Huy H về việc anh H yêu cầu chị Trần Thị H2 pH1 cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh Nguyễn Đức H1.

2. Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Đức H1 pH1 nộp 46.080.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho anh Đào Huy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000959, ngày 28/3/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH1 trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH1 thi hành án còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà